TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 50/2026/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 06/2026/TLST–HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: **Bà N T H**, sinh năm 1964;

Căn cước công dân số: 026*****2326;

Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: P.X – chung cư B, Khu đô thị H, phường H, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: **Ông Đ D S**, sinh năm 1961;

Căn cước công dân số: 001*****6614;

Đăng ký hộ khẩu thường trú: P.X – chung cư B, Khu đô thị H, phường H, thành phố Hà Nội.

Nơi cư trú: Số R ngách J đường D, xã A, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án và Danh mục án phí, lệ phí Toà án kèm theo;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà N T H và ông Đ D S.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Bà N T H và ông Đ D S có 02 con chung là chị Đ T D, sinh ngày 17/6/1988 và chị Đ T L, sinh ngày 10/10/2005. Cả hai con chung của bà H và ông S đều đã thành niên đủ 18 tuổi, sức khỏe bình thường nên ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.2. Về tài sản chung: Bà N T H và ông Đ D S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Bà H và ông S đều trên 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Thái Thị Hà Thu

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 5, TP. Hà Nội;
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND TP. Hà Nội;
- THADS TP. Hà Nội;
- UBND phường B, TP. Hà Nội (ĐKKH số 209, ngày 24/9/1987 tại UBND phường N, quận B cũ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.